

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Só BB 60/330

0926906875

09.26.2008

9	8
8	7
7	6
6	5
5	4
4	3
3	2
2	1
1	0
0	-1
-1	-2
-2	-3
-3	-4
-4	-5
-5	-6
-6	-7
-7	-8
-8	-9
-9	-10
-10	-11
-11	-12
-12	-13
-13	-14
-14	-15
-15	-16
-16	-17
-17	-18
-18	-19
-19	-20
-20	-21
-21	-22
-22	-23
-23	-24
-24	-25
-25	-26
-26	-27
-27	-28
-28	-29
-29	-30
-30	-31
-31	-32
-32	-33
-33	-34
-34	-35
-35	-36
-36	-37
-37	-38
-38	-39
-39	-40
-40	-41
-41	-42
-42	-43
-43	-44
-44	-45
-45	-46
-46	-47
-47	-48
-48	-49
-49	-50
-50	-51
-51	-52
-52	-53
-53	-54
-54	-55
-55	-56
-56	-57
-57	-58
-58	-59
-59	-60
-60	-61
-61	-62
-62	-63
-63	-64
-64	-65
-65	-66
-66	-67
-67	-68
-68	-69
-69	-70
-70	-71
-71	-72
-72	-73
-73	-74
-74	-75
-75	-76
-76	-77
-77	-78
-78	-79
-79	-80
-80	-81
-81	-82
-82	-83
-83	-84
-84	-85
-85	-86
-86	-87
-87	-88
-88	-89
-89	-90
-90	-91
-91	-92
-92	-93
-93	-94
-94	-95
-95	-96
-96	-97
-97	-98
-98	-99
-99	-100

1	1
2	2
3	3
4	4
5	5
6	6
7	7
8	8
9	9
10	10
11	11
12	12
13	13
14	14
15	15
16	16
17	17
18	18
19	19
20	20
21	21
22	22
23	23
24	24
25	25
26	26
27	27
28	28
29	29
30	30
31	31
32	32
33	33
34	34
35	35
36	36
37	37
38	38
39	39
40	40
41	41
42	42
43	43
44	44
45	45
46	46
47	47
48	48
49	49
50	50
51	51
52	52
53	53
54	54
55	55
56	56
57	57
58	58
59	59
60	60
61	61
62	62
63	63
64	64
65	65
66	66
67	67
68	68
69	69
70	70
71	71
72	72
73	73
74	74
75	75
76	76
77	77
78	78
79	79
80	80
81	81
82	82
83	83
84	84
85	85
86	86
87	87
88	88
89	89
90	90
91	91
92	92
93	93
94	94
95	95
96	96
97	97
98	98
99	99
100	100

1	10
2	11
3	12
4	13
5	14
6	15
7	16
8	17
9	18
10	19
11	20
12	21
13	22
14	23
15	24
16	25
17	26
18	27
19	28
20	29
21	30
22	31
23	32
24	33
25	34
26	35
27	36
28	37
29	38
30	39
31	40
32	41
33	42
34	43
35	44
36	45
37	46
38	47
39	48
40	49
41	50
42	51
43	52
44	53
45	54
46	55
47	56
48	57
49	58
50	59
51	60
52	61
53	62
54	63
55	64
56	65
57	66
58	67
59	68
60	69
61	70
62	71
63	72
64	73
65	74
66	75
67	76
68	77
69	78
70	79
71	80
72	81
73	82
74	83
75	84
76	85
77	86
78	87
79	88
80	89
81	90
82	91
83	92
84	93
85	94
86	95
87	96
88	97
89	98
90	99
91	100
92	101
93	102
94	103
95	104
96	105
97	106
98	107
99	108
100	109

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Nhà cửa vật kiến trúc						
11	Tài sản máy móc thiết bị						
1	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.284	01/01/2019.		1	✓	
2	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.285	01/01/2019.		1	✓	
3	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.286	01/01/2019.		1	✓	
4	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.287	01/01/2019.		1	✓	
5	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.288	01/01/2019.		1	✓	
6	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.289	01/01/2019.		1	✓	
7	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.290	01/01/2019.		1	✓	
8	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.291	01/01/2019.		1	✓	
9	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.292	01/01/2019.		1	✓	
10	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.293	01/01/2019.		1	✓	
11	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.294	01/01/2019.		1	✓	
12	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.295	01/01/2019.		1	✓	
13	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.296	01/01/2019.		1	✓	
14	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.297	01/01/2019.		1	✓	
15	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.298	01/01/2019.		1	✓	
16	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.299	01/01/2019.		1	✓	
17	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.300	01/01/2019.		1	✓	
18	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.301	01/01/2019.		1	✓	

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
19	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.302	01/01/2019.	.	1	1	
20	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.303	01/01/2019.	.	1	1	
21	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.304	01/01/2019.	.	1	1	
22	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.305	01/01/2019.	.	1	1	
23	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.306	01/01/2019.	.	1	1	
24	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.307	01/01/2019.	.	1	1	
25	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.308	01/01/2019.	.	1	1	
26	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.309	01/01/2019.	.	1	1	
27	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.310	01/01/2019.	.	1	1	
28	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.311	01/01/2019.	.	1	1	
29	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.312	01/01/2019.	.	1	1	
30	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.313	01/01/2019.	.	1	1	
31	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b	07527.14.030110.314	01/01/2019.	.	1	1	
32	Máy chiếu gần PRM-45A Promethean	07527.14.030606.474	01/01/2019.	.	1	1	
33	Switch 48 cổng Zyxel GS1900-48	07527.14.031001.410	01/01/2019.	.	1	1	
34	Ôn Áp Lioa Dri-15000II	07527.14.031001.423	01/01/2019.	.	1	1	
35	Amly PLE-1MA120-EU, Bosch	07527.14.031001.525	01/01/2019.	.	1	1	
36	Bộ thu micro không dây MW1-RX-F5, Bosch	07527.14.031001.551	01/01/2019.	.	1	1	
III	Tài sản Đồ gỗ quán lý			.			
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn			.			
V	Tài sản cố định khác			.			
VI	Cây lâu năm			.			
VII	Tài sản cố định vô hình			.			
VIII	Sách và tài liệu mã hóa			.			
IX	Sách và giáo trình			.			
X	Công cụ dụng cụ thiết bị			.			
1	Màn chiếu P84ES Da-lite	07527.14.110000.487	01/01/2019.	.	1	1	
2	Tai nghe có khung choàng đầu và mic ONE HP-818S, P-ONE	07527.14.110000.500	01/01/2019.	.	31	31	
3	Loa cột LA1-UM20E-1, Bosch	07527.14.110000.512	01/01/2019.	.	3	3	
4	Micro không dây cầm tay MW1-LTX-F5, Bosch	07527.14.110000.538	01/01/2019.	.	1	1	
5	Camera giám sát trong phòng K-EF134L02AE, Panasonic	07527.14.110000.584	01/01/2019.	.	2	2	
6	Tủ rack 10 U COMRACK	07527.14.110000.604	01/01/2019.	.	1	1	
7	Webcam C270, Logitech	07527.14.110000.649	01/01/2019.	.	31	31	

